

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HC-ST

Ngày: 17/9/2024

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Đức Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Kiều;

2. Ông Đỗ Xuân Hoài.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Mạnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Kiều Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Duy L – Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị H – Thẻ Luật sư số 6152/LS do L4 cấp ngày 20/6/2011 - Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q, trụ sở liên cơ quan số C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện H

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu L1 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện H4 (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024) – Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Quang B – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã H4

Địa chỉ: xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Q(Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024) – Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Tiến L2– Chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng xã Q, huyện H.

- Ông Nguyễn Văn G chỉ: Thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Ông Đoàn Thế L3 chỉ: Thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Vũ Duy L4 bày:

Năm 1983, tôi được Nhà nước giao 13 thửa ruộng. Năm 1985 Hợp tác xã gặt lúa lấy sản. Năm 1986-1987, Hợp tác xã lấy ra 4 thửa ruộng 391, 611, 561, 500 cho ông Đoàn T1 L3Vũ Văn T1và H. Đồng thời lấy con trâu kéo cày của tôi, có hóa đơn. Sau đó tôi đã trả đủ 4 tạ thóc nhưng đến nay vẫn chưa trả lại trâu cho tôi làm ăn. Tôi vẫn nộp sản cho hợp tác xã đối với các thửa đã lấy cho người khác cấy đến khi nhà nước miễn thuế sản. Đến năm 1995, Hợp tác xã không trả lại cho tôi mà UBND huyện Q(nay là UBND huyện H chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa trên cho ông Đoàn T1 L3và Nguyễn Văn G1(cùng trú tại Thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh) là trái pháp luật. Đồng thời UBND huyện Q chứng nhận quyền sử dụng đất số E 781571 cấp ngày 05/10/1995 cho tôi 13 thửa ruộng, trong đó có 9 thửa ruộng đúng số thửa và đúng diện tích; còn 4 thửa ruộng là 712, 475, 396, 395 thì không đúng số thửa và diện tích mà Hợp tác xã đã lấy năm 1987.

Kể từ đó, nhiều lần tôi đã gửi đơn UBND xã QUBND huyện Hđề nghị làm rõ 4 thửa ruộng đã lấy. Nhưng qua các năm, UBND xã Q, không thống nhất và không đúng thực tế: 3 trong 4 thửa ruộng cần làm rõ là đất ruộng cấy 2 vụ nhưng UBND xã Qcho rằng đó là đất trồng cây hàng năm, như vậy không đúng.

Cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm, ông Vũ Duy L5 kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đoàn T1 L3số E E 781565 do UBND huyện Q(nay là UBND huyện Hcấp ngày 05/10/1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn G2 UBND huyện Q(nay là UBND huyện H ngày 05/10/1995. Trả lại 4 thửa đất: 107, 141, 142, 105 (trước là thửa đất 391, 611, 561, 500) cho gia đình ông Vũ Duy L6 Nhà nước thu hồi của ông L7 1986 và 1987 giao cho một số gia đình trong thôn không đúng pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H quan điểm:

Ông Vũ Duy L8 UBND huyện Q(nay là huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E781571 ngày 05/10/1995 gồm 13 thửa đất: 492 (1.110 m²), 493 (209 m²), 487 (440 m²), 488 (298 m²), 489 (360 m²), 490 (305 m²), 711 (550 m²), 712 (750 m²), 483 (290 m²), 395 (325 m²), 396 (300 m²), 475 (500 m²), 476 (252 m²). Tổng diện tích là 5.689 m². Mục đích sử dụng: cây lúa. Thời hạn sử dụng 20 năm. Giấy chứng nhận đã cấp phù hợp với thông tin ghi tại hồ sơ, sổ sách địa bạ, thu thuế sản.

Ngoài ra, kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính và hiện trạng xác định hiện tại hộ ông Vũ Duy L9 tại đang quản lý, sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp, đã có tên trên bản đồ địa chính nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa: 15 (1.007,9m²); 36 (790,2m²); 19 (493,2m²), thuộc tờ bản đồ địa chính số 16 xã QTổng diện tích là 2.291,3m².

Hồ sơ lưu không thể hiện ông Vũ Duy L8 UBND huyện Q(nay là huyện H 04 thửa đất số 107, 141, 142, 105 bản đồ địa chính, tương ứng các thửa đất số 391, 499, 561, 500 bản đồ giải thửa 299.

Kết quả kiểm tra, xác minh:

Hộ ông Vũ Duy L10 chỉ thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh được giao 13 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E781571 ngày 05/10/1995. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trạng xác định các thửa 395, 396, 475, 475 hiện tại do bà Vũ Thị T2(con gái ông L11 sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn (thửa 475 diện tích 252 m²) và đất trồng cây hàng năm khác (thửa 395 diện tích 325 m², thửa 396 diện tích 300 m², thửa 475 diện tích 500 m²).

Thực hiện quy định tại Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì toàn bộ đất nông nghiệp trên địa bàn xã Q, địa bàn huyện Q (nay là huyện H do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý, sắp xếp và điều hành sản xuất. Việc Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn phân chia, điều chuyển diện tích đất nông nghiệp là đảm bảo theo quy định tại thời điểm đó. Năm 1995, UBND huyện Q(nay là huyện H cho hộ ông Vũ Duy L10 chỉ thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh được giao 13 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E781571 ngày 05/10/1995 để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp là đúng quy định.

Kết quả xác minh đối với 04 thửa đất theo kiến nghị của ông Vũ Duy L Thửa đất số 107, diện tích 1.177,1 m² (tương ứng thửa 391 bản đồ giải thửa đội 12 xã Q diện tích 1.400 m²), hiện tại do ông Đoàn T1 L3 quản lý và sử dụng và đã được UBND huyện Q(nay là huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E781565 ngày 05/10/1995.

Thửa đất số 141, diện tích 1.241,2 m² (tương ứng thửa 499 bản đồ giải thửa đội 12 xã Qđiện tích 500 m²), hiện tại do ông Nguyễn Văn G3 quản lý và sử dụng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất có nguồn gốc do ông Hà Duy Csử D từ trước năm 1995 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đến năm 1995, ông C T3cho thửa đất cho em trai là ông Hà D1 T4(tặng cho bằng giấy tờ viết tay). Năm 2000, ông Hà D1 T4chuyển nhượng lại thửa đất cho ông Trần Đình T3(chuyển nhượng bằng giấy tờ viết tay). Năm 2007 ông Trần Đ T5chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Văn G1(chuyển nhượng bằng giấy tờ viết tay). Ông Gsử dụng ổn định, không tranh chấp từ thời điểm đó đến nay.

Thửa đất số 142, diện tích 1.062,1 m² (tương ứng thửa 561 bản đồ giải thửa đội 12 xã Qđiện tích 300 m²), hiện tại do ông Nguyễn Văn G3 quản lý và sử dụng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất hộ ông Vũ Văn T4 giao khoán trước năm 1995. Năm 1995 ông T1cho con rể là ông Nguyễn Văn H1 dụng (tặng cho không có giấy tờ). Hiện tại, ông Nguyễn Văn G1(con đẻ ông Nguyễn Văn H2 trực tiếp sử dụng).

Thửa đất số 105, diện tích 363,3 m² (tương ứng thửa 500 bản đồ giải thửa đội 12 xã Qđiện tích 255 m²), hiện tại ông Nguyễn Văn H2 sử dụng, có trong hồ sơ sổ địa chính UBND xã quản lý, giao sử dụng năm 1995. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 đều thể hiện Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà M.

Ngoài ra, kết quả kiểm tra cho thấy hiện tại các thửa đất của ông Vũ Duy L12 các hộ dân nêu trên hiện tại đang được sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không có tranh chấp từ năm 1995 đến nay. Ông Vũ Duy L13 có hồ sơ, giấy tờ chứng minh được giao 04 thửa đất số 107, 141, 142, 105 (tương ứng các thửa đất số 391, 499, 561, 500 bản đồ giải thửa 299).

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh nêu trên, UBND huyện H thấy việc ông Vũ Duy L14 trú tại thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninhkhởi kiện yêu cầu: Trả lại 04 thửa đất số 107, 141, 142, 105 (tương ứng các thửa đất số 391, 499, 561, 500 bản đồ giải thửa 299); Huỷ GCNQSD đất của hộ ông Đoàn T1 L3số E 781565 do UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995 và GCNQSD đất của hộ ông Nguyễn Văn G2 UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995 (thực tế ông Nguyễn Văn G4 được cấp GCNQSD đất) là không có cơ sở, căn cứ pháp lý.

Từ căn cứ nêu trên, UBND huyện H Tòa án bác nội dung khởi kiện của ông Vũ Duy L.

Đại diện UBND xã Q có quan điểm: Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và cấp GCNQSD đất cho hộ dân tương tự quan điểm của UBND huyện H

Ông Đoàn Thế L3 và ông Nguyễn Văn G1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý, Thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như triệu tập để yêu cầu cung cấp chứng cứ, tài liệu, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và đều vắng mặt.

Tòa án đã tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

Ngày 21/6/2023 ông Vũ Duy L khởi kiện yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 781565 do UBND huyện Q (nay là huyện H cho hộ ông Đoàn T1 L3 ngày 05/10/1995.

Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật đất đai năm 1993, nay là khoản 5 Điều 22 Luật đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn G2 UBND huyện Q (nay là huyện H ngày 05/10/1995, thấy rằng hộ ông Nguyễn Văn G5 được UBND huyện Q cấp GCNQSD đất, nên đối tượng khởi kiện này của ông L23 không có. Do đó căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình

chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn G2 UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995.

Tại Thông báo thụ lý số 35/2024/TLST-HC ngày 20/5/2024, Tòa án căn cứ đơn khởi kiện của ông Vũ Duy L15 đó xác định yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy L16 nội dung “Trả lại 04 thửa đất 712, 475, 396, 395 (trước là thửa 391, 611, 561, 500) cho gia đình ông Vũ Duy L...”. Tuy nhiên qua xét xử, làm rõ được là 04 thửa đất 712, 475, 396, 395 ông L17 trên, qua đối chiếu, chính xác là các thửa số 107, 141, 142, 105 bản đồ địa chính (trước là thửa đất 391, 611, 561, 500) bản đồ giải thửa.

Tại phiên tòa, vắng mặt Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H xã Qvà các ông Đoàn T1 L3và Nguyễn Văn G6 đều có đơn xin xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định.

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành.

Ngày 05/10/1995 UBND huyện Q(nay là UBND huyện H chứng nhận quyền sử dụng đất số E 781565 cho hộ ông Đoàn T1 L3gồm các thửa 391, 223, 382, 384, 385, diện tích 3.896m² đất nông nghiệp (cây lúa) tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Ninhthời hạn sử dụng 20 năm.

Qua xem xét, thấy rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 781565 nêu trên đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.

[2.2] Về nội dung

Ngày 05/10/1995 UBND huyện Q(nay là UBND huyện H cấp GCNQSD đất số E 781571 đối với 13 thửa đất nông nghiệp, gồm các thửa 487, 492, 493, 488, 489, 490, 711, 712, 483, 395, 396, 475, 475, diện tích là 5.689m² cho hộ ông Vũ Duy L18 địa chỉ thôn E, xã Q, huyện Q (Tại bản đồ địa chính, 2 thửa đều được ký hiệu là 475, trong đó 1 thửa có diện tích 500m²; 1 thửa có diện tích 252m²).

Năm 2010 ông L16 đơn xin lại đất canh tác sản xuất nông nghiệp với lý do năm 1987 xã Qđã lấy một số diện tích đất canh tác của gia đình ông cho gia đình ông Đoàn T1 L3Vũ Văn T D để canh tác.

Tại Văn bản số 45/UBND ngày 20/12/2010 của UBND xã Q đơn ông L nội D2: Trong 4 thửa ruộng ông L19 lại để canh tác, năm 1995 UBND xã Qđã giao cho ông Đoàn T1 L3thửa 391, diện tích 1.400m²; ông Hà Duy C1 661 diện tích 940m²; ông Vũ Văn T5 561 diện tích 778m²; ông Nguyễn Văn H1thửa 500 diện tích 252m². Số diện tích đất nông nghiệp ông L20 nghị xin lại để canh tác không giao lại cho ông L sử dụng được với lý do: Số đất sản xuất nông nghiệp của gia đình ông được UBND huyện Q sử dụng từ năm 1995 không có tranh chấp, lấn chiếm. Số diện tích ông đề nghị xin lại để canh tác, thời gian trước năm 1995 chưa được cấp có thẩm quyền giao đất.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định:

Năm 1995 hộ ông Vũ Duy L đã được giao 13 thửa đất nông nghiệp gồm 487, 492, 493, 488, 489, 490, 711, 712, 483, 395, 396, 475, 475, tổng diện tích là 5.689m² GCNQSD đất số E781571 do UBND huyện Q ngày 05/10/1995, hiện tại vẫn do hộ ông Vũ Duy L21 đang quản lý sử dụng

Đối với 04 thửa đất ông Vũ Duy L22 cầu trả lại:

+ Thửa đất số 391, diện tích 1.400 m², hiện tại do ông Đoàn T1 L3 quản lý sử dụng và đã được UBND huyện Q(nay là huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E781565 ngày 05/10/1995.

+ Thửa đất số 661, diện tích 940m², hiện tại do ông Hà D1 C1 quản lý và sử dụng và đã được UBND huyện Q(nay là huyện Q 1995. Tuy nhiên trường hợp ông Hà D1 C1 chỉ có tên trong danh sách sổ bộ do UBND xã quản lý, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 561, diện tích 778m², hiện tại do ông Vũ V T1 quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1995, nguồn gốc đất được giao khoán. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 500, diện tích 252m², hiện tại do ông Nguyễn Văn H3(con rể ông T1 quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1995. Nguồn gốc đất được giao khoán cho hộ ông Vũ Văn T1 năm 1995 ông T1 cho con rể là ông Nguyễn Văn H1 dụng. Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ GCNQSD đất số E 781565 do UBND huyện Q ngày 05/10/1995, hộ ông Đoàn T1 L3 được giao 4 thửa đất nông nghiệp gồm các thửa 391, 223, 382, 384, 385, tổng diện tích 3.896m², mục đích sử dụng: cấy lúa, thời hạn sử dụng 20 năm.

Thấy rằng việc UBND huyện Q đất cho hộ ông Đoàn T1 L3 sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp đã được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Pháp luật về đất đai qua các thời kỳ (khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003; Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013) đều quy định: Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà M.

Xét thấy yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đoàn T1 L3 số E 781565 do UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995, trả lại 04 thửa đất số 107, 141, 142, 105 (trước là thửa đất 391, 611, 561, 500) cho gia đình ông Vũ Duy L23 không có căn cứ, vì vậy cần bác yêu cầu khởi kiện này của ông Vũ Duy L

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông L23 người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy L24 nội dung hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn G2 UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995).

2. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy L24 nội dung huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đoàn T1 L3 số E 781565 do UBND huyện Q(nay là huyện H ngày 05/10/1995, trả lại 04 thửa đất số 107, 141, 142, 105 (trước là thửa đất 391, 611, 561, 500) cho gia đình ông Vũ Duy L

2. Về án phí:

Miễn án phí Hành chính sơ thẩm đối với ông Vũ Duy L

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Đức Tuấn